

**TỜ TRÌNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2020  
của huyện Hướng Hóa**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh.

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Công văn số: 6044/UBND-TN ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc khẩn trương hoàn thiện kế hoạch sử dụng đất; Nghị quyết số 36/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh Quảng Trị về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất và các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác trong năm 2020; Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 21 tháng 4 năm 2020; Nghị quyết số 35/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh Quảng Trị về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất và dự án chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020; Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 09/4/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Hướng Hóa; Quyết định số 1204/QĐ-UBND ngày 12/5/2020 về việc phê duyệt bổ sung dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Hướng Hóa.

Ủy ban nhân dân huyện Hướng Hóa kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Hướng Hóa với những nội dung chủ yếu sau đây:

**1. Hồ sơ trình phê duyệt điều chỉnh kèm theo Tờ trình gồm:**

- 1.1. Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2020;
- 1.2. Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2020.

**2. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ trước**

**2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước**

Đánh giá kết quả thực hiện sử dụng đất năm 2019 là cơ sở quan trọng để so sánh với việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã phê duyệt; là cơ sở quan trọng để lập kế hoạch sử dụng đất năm 2020. Cơ sở xác định đánh giá là

các công trình dự án đã được bồi thường, thu hồi, chuyển mục đích, giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong năm 2019. Về cơ sở so sánh, đánh giá kế hoạch sử dụng đất năm trước là kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Hướng Hóa đã được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 và các Quyết định bổ sung các công trình dự án thực hiện trong năm 2019, bao gồm: số 2615/QĐ-UBND ngày 30/9/2019; số 2486/QĐ-UBND ngày 18/9/2019; số 2043/QĐ-UBND ngày 07/8/2019; số 1724/QĐ-UBND ngày 10/7/2019; số 1552/QĐ-UBND ngày 20/6/2019; số 1357/QĐ-UBND ngày 05/6/2019; số 1330/QĐ-UBND ngày 03/6/2019; số 1249/QĐ-UBND ngày 24/5/2019 của UBND tỉnh.

Trong năm 2019, UBND tỉnh đã phê duyệt 175 công trình, dự án vào kế hoạch sử dụng đất của huyện Hướng Hóa. Kết quả đã thực hiện xong 48 công trình dự án (chưa bao gồm đất hộ gia đình cá nhân). Cụ thể:

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm
1	Đường GT ra khu sản xuất bản Cồn	0,70	Bản Cồn, xã Tân Lập
2	Nâng cấp đường vào khu sản xuất xã Hướng Phùng (DA BBC)	1,50	Xã Hướng Phùng
3	Cải tạo đường nội đồng thôn Cu Dong, xã Húc (DA BBC)	1,50	Xã Húc
4	Đường lâm nghiệp phục vụ sản xuất vùng nguyên liệu tập trung, phát triển trồng rừng và thâm canh cây gỗ lớn	9,06	Xã Hướng Linh
5	Đập thủy lợi Khe Miếu và hệ thống Kênh mương	0,15	Xã Hướng Sơn
6	Công trình nước sạch thôn Cuối	0,02	Xã Hướng Lập
7	Khai thác hồ thủy lợi xã Tân Liên	5,51	Xã Tân Liên
8	Điểm TĐC thôn Xuân Phước	0,38	TT. Lao Bảo
9	Chợ Nông sản Xuân Phước	0,18	Thị trấn Lao Bảo
10	Xưởng cưa xẻ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ rừng trồng	1,20	Cụm Công nghiệp Hướng Tân
11	Hệ thống thoát nước có nắp đậy tại Khe Cạn	0,31	Thị trấn Lao Bảo
12	Di tích cao điểm 689	1,00	Xã Hướng Tân
13	Cửa hàng xăng dầu số 15 (Tân Long)	0,02	Xã Tân Long
14	Đường ra vùng tập trung thôn Tà Nua - Troan Ô	0,30	Xã Xy
15	Đường liên thôn Tăng Quan I đi vào khu sản xuất thôn Bờ Rô	0,20	Xã A Xing
16	Bê tông hóa đường GT từ Km34 đi Bản Cọp	0,30	Xã Ba Tầng

17	Đường giao thông nông thôn xã A Dơi	0,40	Xã A Dơi
18	Đường GT nội thôn Tân Tài, Tân Thuận, Tân Trung	0,20	Xã Tân Lập
19	Đường Kiệt 104 Lê Lợi nối đường Phạm Ngũ Lão	0,20	TT. Khe Sanh
20	Đa xây dựng CSHT các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao vùng DTTS và miền núi tỉnh Quảng trị (GDD1)	1,10	Xã Húc
21	Trường THCS xã Ba Tầng	0,06	Xã Ba Tầng
22	Trường Mầm non Ba Tầng	0,06	Xã Ba Tầng
23	Trường TH xã A Túc	0,05	A Túc
24	Phòng học, nhà công vụ trường TH xã A Túc	0,01	A Túc
25	Trường TH Hương Phùng	0,05	Xã Hương Phùng
26	Trường Mầm non Tân Long	0,07	Xã Tân Long
27	Trường TH xã Húc	0,04	Xã Húc
28	Trường TH xã XY	0,04	Xã XY
29	Trường TH xã A Xing	0,05	Xã A Xing
30	Khu dân cư mở rộng Khối 1	7,45	TT. Khe Sanh
31	Hà tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Trị.	2,68	Hương Linh
32	ĐPT CTMT quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020	0,49	Xã A Túc
33	Đường nội thôn Princ	0,38	Xã A Dơi
34	Đường liên thôn Prang xy đi Trung Phước (giai đoạn 4)	0,45	Xã A Dơi
35	Đường GT đi vào khu sản xuất Bản 9	0,15	Xã Thanh
36	Đường GT đi vào khu sản xuất Bản 10	0,35	Xã Thanh
37	Đường GT đi vào khu sản xuất thôn A Ho	0,25	Xã Thanh
38	Các dự án mới thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2018	1,50	Xã Húc
39	Đập thủy lợi và hệ thống kênh mương thôn Nguồn Rào	0,10	Xã Hương Sơn
40	Đường vào khu sản xuất thôn Hồ	0,45	Xã Hương Sơn
41	Đường vào khu sản xuất thôn Nguồn Rào	0,45	Xã Hương Sơn
42	Đường nội thôn Pin	0,45	Xã Hương Sơn
43	Đường tỉnh lộ 586 từ Km34 đi Bản Cốp và thôn Vàng	0,21	Xã Ba Tầng
44	Trụ sở làm việc Công an thị trấn Khe Sanh	0,07	Thị trấn Khe Sanh
45	Chuyên mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn	2,5	Xã Tân Long
46	Chuyên mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn	1,0	Xã Hương Phùng
47	Chuyên mục đích đất rừng phòng hộ ít xung yếu sang đất rừng sản xuất	24,3	Xã Tân Hợp
48	Đường giao thông nông thôn	0,2	Xã Tân Hợp

## **2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước**

### **2.2.1. Những mặt đạt được**

Nhìn chung, việc thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất đã được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện đã theo sát và về cơ bản đạt được theo các chỉ tiêu do tỉnh phê duyệt. Quá trình sử dụng đất đều dựa trên những quan điểm khai thác, sử dụng hợp lý, có hiệu quả, tiết kiệm quỹ đất và cố gắng bảo vệ chống thoái hoá đất, đáp ứng được các yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá của địa phương.

### **2.2.2. Những hạn chế**

Các chỉ tiêu phân bổ cho mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp trong năm kế hoạch, cũng như các chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội đều không đạt, nguyên nhân chung là dự án trong kế hoạch sử dụng đất đăng ký nhiều hơn so với khả năng nguồn vốn được cân đối và các thủ tục cần có chưa hoàn thành kịp thời.

## **2.3. Đánh giá nguyên nhân tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2019**

Thực tế quá trình tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện đã đạt được nhiều chỉ tiêu sử dụng đất quan trọng, góp phần trong việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của huyện, của tỉnh. Trong quá trình sử dụng, chuyển mục đích đều dựa trên quan điểm khai thác tiết kiệm, hiệu quả, triệt để quỹ đất, đáp ứng được các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, phát triển hạ tầng, nên các diện tích đất thu hồi đều tạo sự đồng thuận cao trong nhân dân, ít có xảy ra trường hợp khiếu nại, khiếu kiện nhiều do thu hồi đất.

Tuy nhiên qua so sánh, phân tích giữa kết quả thực hiện và các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt trong năm 2019 chưa đạt như dự kiến và phải chuyển tiếp sang năm tiếp theo.

Những nguyên nhân là:

- Nguồn lực và khả năng cạnh tranh kinh tế còn hạn chế. Các doanh nghiệp trên địa bàn còn ít, quy mô nhỏ, chưa đủ tiềm lực tạo đà phát triển.

- Một số chính sách về đất đai như Nghị định 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ về hạn chế sử dụng đất lúa, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ có thay đổi chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nên ảnh hưởng rất lớn đối với việc chuyển sang mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp và thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn huyện.

- Một số công trình chưa thực hiện được do chưa được bố trí vốn đầu tư.

- Nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận nhân dân còn hạn chế, nhất là trong công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB, bồi thường sau sự cố môi trường biển và giải quyết tranh chấp ranh giới.





3.3. Kế hoạch chuyển mục đích trong năm kế hoạch

Đơn vị tính: ha

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng Diện tích	Phân theo đơn vị hành chính xã																					
				Thị trấn Khe Sanh (6)	Thị trấn Lao Bảo (6)	Xã Hương Lập (7)	Xã Hương Việt (8)	Xã Hương Phong (9)	Xã Hương Sơn (10)	Xã Hương Linh (11)	Xã Tân Hợp (12)	Xã Tân Tiến (13)	Xã Tân Thành (14)	Xã Tân Long (15)	Xã Tân Lập (16)	Xã Tân Liên (17)	Xã Húc (18)	Xã Thuận (19)	Xã Hương Lộc (20)	Xã Ba Tầng (21)	Xã Thành (22)	Xã A Dơi (23)	Xã A Xing (24)	Xã A Túc (25)	Xã Xy (26)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	436,97	29,72	24,32	17,12	2,80	194,10	46,89	48,02	9,71	35,99	43,39	2,85	2,75	8,25	11,13	6,96	1,77	2,29	7,67	17,70	-	1,37	16,07
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	4,43	0,51	-	-	2,50	-	-	-	-	-	-	-	-	0,72	0,70	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trong đó: Đất chuyển trồng lúa nước	LUC/PNN	4,43	0,51	-	-	2,50	-	-	-	-	-	-	-	-	0,72	0,70	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	92,03	4,86	4,15	3,80	17,96	13,68	20,32	2,18	0,39	5,05	5,05	1,22	0,75	0,14	0,36	2,43	0,56	1,93	7,26	2,70	-	0,44	1,00
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	142,31	16,03	16,37	0,29	12,74	1,18	21,00	7,53	1,24	19,08	1,33	2,00	3,89	2,07	3,63	1,21	0,90	0,36	0,41	16,00	-	0,93	15,07
1.4	Đất rừng phòng hộ	RHP/PNN	74,81	-	-	2,00	-	9,16	13,93	4,00	-	33,86	11,26	-	-	0,70	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	16,28	-	-	6,00	-	10,25	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	107,04	8,50	3,80	5,03	56,74	7,67	2,70	-	-	0,10	8,00	-	-	3,00	8,00	0,90	-	-	-	-	-	-	-
1.7	Đất muối trồng thủy sản	NTS/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.8	Đất là muối	LMU/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		107,99	10,00	90,00	-	9,99	-	-	-	0,32	0,14	15,00	-	-	22,50	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất lâm nghiệp	LUA/LNP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RHP/NKR(a)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR(a)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)	107,20	10,00	50,00	-	9,70	-	-	-	-	15,00	-	-	-	22,50	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.10	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,75	-	-	-	0,29	-	-	-	0,32	0,14	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Chi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.  
- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

3.4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2020

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính xã																						
				(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)			
(1)	(2)	(3)	(4)	Thị trấn Khe Sanh	Thị trấn Lao Bảo	Xã Hương Lập	Xã Hương Việt	Xã Hương Phụng	Xã Hương Sơn	Xã Hương Liên	Xã Tân Hợp	Xã Tân Hương	Xã Tân Thành	Xã Tân Long	Xã Tân Lập	Xã Tân Liên	Xã Húc	Xã Thuận	Xã Hương Lạc	Xã Ba Tầng	Xã Thanh	Xã A Dơi	Xã A Xing	Xã A Túc	Xã Xy	
1	Đất nông nghiệp	NNP	7,00					7,00																		
1.1	Đất trồng lúa	LUA																								
Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước																										
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	LUC																								
1.3	Đất trồng cây lâu năm	HNK																								
1.4	Đất rừng cây lâu năm	CLN																								
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH																								
1.6	Đất rừng đặc dụng	RDD																								
1.7	Đất rừng sản xuất	RSX																								
1.8	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS																								
1.9	Đất làm muối	LMU																								
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	7,00																							
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	76,44		2,70	5,00	2,25	9,46	26,04	1,56	1,80	1,87	8,03		4,83	11,89	1,00	0,20	0,03	0,07						
2.1	Đất quốc phòng	QPP																								0,06
2.2	Đất an ninh	CAN																								
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK																								
2.4	Đất khu chế xuất	SKT																								
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN																								
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	9,20																							
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC										1,20	8,00													
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS																								
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	63,66		2,70	5,00	0,23	9,46	26,86	1,56		0,87	0,03		4,83	11,89	1,00	0,10	0,03	0,07				0,03	0,06	
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT																								
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL																								
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DBA																								
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT																								
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT																								
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,16						0,16																	
2.16	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS																								
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG																								
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON																								
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD																								
2.20	Đất SX vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	3,83																							
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,10																							
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV																								
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN																								
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON																								
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC																								
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK																								



## **4. Các giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất**

### **4.1. Giải pháp về tuyên truyền**

Sau khi kế hoạch sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt, UBND huyện tổ chức thông báo các xã, thị trấn, phòng ban chuyên môn, các tổ chức chính trị, đoàn thể, tổ chức khác để công bố, công khai kế hoạch sử dụng đất tại UBND huyện và trên các phương tiện thông tin đại chúng để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết kế hoạch, thực hiện đúng kế hoạch được duyệt.

### **4.2. Giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư**

- Các chủ đầu tư của các công trình dự án cần phải bố trí đủ nguồn vốn để bồi thường đất, hỗ trợ, tái định cư.

- Huy động nhiều nguồn vốn và quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội quan trọng theo nguyên tắc đồng bộ, tập trung, không dàn trải, có tính hữu dụng cao để tạo bước đột phá về phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn.

- Huy động nguồn lực đất đai, đầu tư bán đấu giá quỹ đất ở các vị trí đắc địa, khu vực các trục giao thông, trung tâm thị tứ, các chợ, đất ở đô thị để tăng nguồn thu ngân sách, tạo việc làm, phát triển thương mại dịch vụ...

- Vận động nhân dân hiến đất, góp vốn, xã hội hóa nguồn vốn để xây dựng các công trình, dự án phục vụ cho mục đích công cộng, dân sinh như: giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng, các khu vui chơi giải trí nông thôn.

### **4.3. Giải pháp về chính sách**

- Thực hiện những chính sách ưu đãi những hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất, hết đất sản xuất, phải chuyển đến ở tại các khu tái định cư, phải tốt hơn nơi ở cũ và hỗ trợ đào tạo nghề, ưu tiên thu hút vào làm việc tại các cơ sở sản xuất kinh doanh đã thu hồi đất.

- Khuyến khích nhân dân được chuyển mục đích sử dụng đất những thửa đất đan xen, có diện tích nhỏ phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đai để thuận lợi trong việc quản lý và có nguồn thu ngân sách.

- Phát huy chính sách liên kết đầu tư giữa các doanh nghiệp và nhân dân góp vốn bằng quyền sử dụng đất nhất là lĩnh vực trồng rừng, nuôi trồng thủy sản để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Vấn đề bồi thường đất đai cần phải được thực hiện công khai, thực hiện đúng trình tự theo quy định pháp luật, xác định đúng nguồn gốc chủ sử dụng, kiểm đếm chính xác, chi trả đúng đối tượng và đúng quy định bảng giá nhà nước.

### **4.4. Các biện pháp tổ chức thực hiện**

Để thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện đạt kết quả cao, cần có những giải pháp cụ thể như sau:

- Các chủ đầu tư của các công trình dự án cần phối hợp chặt chẽ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện để thực hiện đo đạc, kiểm đếm tài sản, cây cối, hoa màu trên đất...và ứng vốn kịp thời để chi trả các đối tượng bị thu hồi đất.

- Lập thủ tục chuyển mục đích, giao đất kịp thời cho các chủ đầu tư để kịp thời triển khai thực hiện dự án.

- Xây dựng phương án đấu giá quyền sử dụng đất đối với đất ở đô thị, đất thương mại dịch vụ để tăng nguồn thu ngân sách, giao đất có thu tiền sử dụng đất cho các đối tượng chính sách, người có thu nhập thấp, hộ nghèo, lực lượng vũ trang có nhu cầu đất ở để ổn định cuộc sống, yên tâm công tác.

- Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ chuyển sang sử dụng vào các mục đích khác không đúng quy hoạch đã được duyệt; việc sử dụng đất đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, có hiệu quả đặc biệt đối với diện tích đất trồng lúa nước, đất rừng phòng hộ chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

- UBND các xã, thị trấn căn cứ theo kế hoạch sử dụng đất của huyện đã được phê duyệt, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất thuộc phạm vi ranh giới hành chính cấp mình, thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 247/TTr-UBND ngày 12/8/2020 của UBND huyện Hướng Hóa)

Ủy ban nhân dân huyện Hướng Hóa kính đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét trình UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt./.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng TM&MT huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Quang Thuận**